

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



ĐẶNG NGỌC TUYẾT TRINH

**PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ
HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ THƯƠNG MẠI TRONG LĨNH VỰC
VIỄN THÔNG - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã ngành: 8.38.01.07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ - năm 2022

Công trình được hoàn thành tại:
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Thị Châu**

Phản biện 1: TS. Lê Thị Thảo

Phản biện 2: TS. Trần Thị Sáu

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày 24 tháng 6 năm 2022

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	4
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	4
6. Những đóng góp mới của luận văn	5
7. Kết cấu của luận văn	5
CHƯƠNG 1.....	6
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ.....	6
HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ THƯƠNG MẠI TRONG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG -	6
CÔNG NGHỆ THÔNG TIN	6
1.1. Khái quát chung về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn	
thông – Công nghệ thông tin	6
1.1.1. Khái niệm và đặc điểm đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.....	6
1.1.2. Phân biệt đại lý thương mại với các loại hình trung gian khác.....	7
1.1.3. Đặc điểm và nội dung điều chỉnh của hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin	7
1.1.4. Vai trò và nguyên tắc giao kết hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin	9
1.2. Pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông –	
Công nghệ thông tin	10
Kết luận chương 1	12
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ THỰC THI PHÁP LUẬT	
VỀ HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ THƯƠNG MẠI TRONG LĨNH VỰC VIỄN	
THÔNG – CÔNG NGHỆ THÔNG TIN.....	13
2.1. Thực trạng các quy định về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn	
thông – Công nghệ thông tin theo pháp luật Việt Nam.....	13
2.1.1 Chủ thể của giao kết hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.	13

2.1.2. Hình thức giao kết hợp đồng đại lý thương mại mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin	13
2.1.3. Nội dung giao kết hợp đồng đại lý thương mại mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin	13
2.2. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực viễn thông- công nghệ thông tin ở Việt Nam.	15
Kết luận chương 2	16
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ THỰC THI HIỆU QUẢ PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ THƯƠNG MẠI NÓI CHUNG VÀ HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ THƯƠNG MẠI TRONG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG – CÔNG NGHỆ THÔNG TIN NÓI RIÊNG	17
3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin	17
3.1.1. Pháp luật điều chỉnh về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin phải phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế đang chuyển đổi ở Việt Nam.....	17
3.1.2. Pháp luật điều chỉnh hoạt động đại lý thương mại phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.....	18
3.1.3. Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và thống nhất của pháp luật điều chỉnh hợp đồng đại lý thương mại	18
3.2. Đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại.....	19
3.2.1. Về hình thức	19
3.2.2. Về nội dung	19
3.3. Đề xuất giải pháp để thực thi hiệu quả pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại	20
Kết luận chương 3	21
PHẦN KẾT LUẬN	22

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong những năm gần đây, trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) đang diễn ra và ngành công nghiệp Công nghệ thông tin tiếp tục là ngành kinh tế quan trọng của đất nước, vai trò của hoạt động trung gian trong ngành Viễn thông – Công nghệ thông tin ngày càng được coi trọng vì nó hỗ trợ đắc lực cho doanh nghiệp viễn thông trong khâu quảng bá, giới thiệu sản phẩm, dịch vụ, mở rộng thị trường được nhanh chóng, ít rủi ro, chi phí thấp và dễ dàng gia nhập hoặc từ bỏ thị trường. Hiện nay, đại lý thương mại là một loại hình trung gian trong lĩnh vực thương mại nói chung và lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin nói riêng đã xuất hiện từ rất sớm ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, và được các doanh nghiệp rất ưa chuộng. Đại lý thương mại đã giúp các doanh nghiệp phân phối sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng trên một phạm vi rộng lớn, tiết kiệm chi phí giao dịch và đem lại hiệu quả kinh doanh cao hơn.

Trên thế giới, pháp luật điều chỉnh các hoạt động đại lý thương mại đã xuất hiện sớm ở Bộ luật thương mại Pháp năm 1807, Bộ luật thương mại Đức từ năm 1897, nhìn chung đều tập trung vào một số vấn đề cơ bản để bảo vệ quyền lợi của các bên tham gia.

Ở Việt Nam, pháp luật về đại lý thương mại cũng như đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin xuất hiện tuy đã lâu, nhưng mới phát triển những năm gần đây. Pháp luật Việt Nam ghi nhận hoạt động đại lý cung cấp dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin trong Bộ Luật dân sự năm 2015, Luật thương mại năm 2005, Luật Viễn thông năm 2009, trên cơ sở kế thừa, sửa đổi, bổ sung những quy định của Luật thương mại 1997. Tuy nhiên pháp luật về hợp đồng đại lý cung cấp dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin vẫn còn nhiều thiếu sót, chẳng hạn pháp luật Việt Nam vẫn chưa quy định cụ thể về việc chấm dứt hợp đồng đại lý cung cấp dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin, việc bồi thường, đền bù, hạn chế thương mại vẫn chưa được quy định cụ thể; do đó phát sinh nhiều bất cập, sai sót ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên cũng như của khách hàng.

Hoạt động đại lý thương mại trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin ngày một phát triển mạnh mẽ, tuy nhiên nhận thức của doanh nghiệp viễn thông và nhiều chủ thể khác về hoạt động đại lý còn khá mơ hồ, chưa hiểu rõ bản chất pháp lý của đại lý cung cấp dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin và mối quan hệ của các chủ thể tham gia quan hệ hợp đồng đại lý với bên thứ ba. Do đó để bảo vệ một cách tốt nhất các quyền và lợi ích của các bên tham gia quan hệ đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin, việc nghiên cứu đầy đủ và toàn diện các vấn đề lý luận về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin là một vấn đề hết sức cấp thiết.

Từ những lý do trên, tác giả lựa chọn đề tài nghiên cứu luận văn thạc sĩ là: ***“Pháp luật Việt Nam về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin”*** để làm đề tài nghiên cứu cho Luận văn tốt nghiệp thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu

Đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin là chế định pháp lý được quy định trong Luật thương mại Việt Nam 2005, Luật Viễn thông năm 2009 và một số văn bản hướng dẫn thi hành. Cho đến nay đã có nhiều bài báo, tạp chí, công trình nghiên cứu về vấn đề này có thể kể đến như: “Tác động của nghiên cứu và phát triển đến kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp: Nghiên cứu thực nghiệm tại Việt Nam” của Tác giả Nguyễn Thúy Anh – Trường Đại học Ngoại Thương Hà Nội đăng trên Tạp chí Quản lý và kinh tế Quốc tế số 132; “Quy định pháp luật về nghĩa vụ cung cấp thông tin trong giai đoạn đàm phán hợp đồng thương mại” của Lữ Thị Ngọc Diệp đăng trên Tạp chí Luật học năm 2021; “Xử lý hành vi hạn chế cạnh tranh trong hoạt động nhượng quyền thương mại – kinh nghiệm quốc tế và đề xuất cho Việt Nam của Nguyễn Thị Tình đăng trên Tạp chí Luật học năm 2021; Sách chuyên khảo “Pháp luật về hợp đồng trong thương mại và đầu tư” của TS. Nguyễn Thị Dung (chủ biên) được nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật xuất bản lần thứ ba có sửa chữa và bổ sung; luận án tiến sĩ “Pháp luật thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay” của ThS Nguyễn Văn Thiệp năm 2016; luận án tiến sĩ “Pháp luật về điều kiện thương mại chung – những vấn đề lý luận và thực tiễn” của ThS Nguyễn Thị Hồng Nga; luận văn “Hợp

đồng đại lý mua bán hàng hóa theo pháp luật thương mại Việt Nam” của Vũ Hồng Nam năm 2017.

Những công trình nghiên cứu trên đây đã giải quyết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về pháp luật hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin như: Một là, phân tích khái niệm, đặc điểm, vai trò đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin; Hai là, phân tích khái niệm, đặc điểm của hoạt động trung gian thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin; Ba là, phân tích sự ra đời của pháp luật về hoạt động trung gian thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin; Bốn là, phân tích nội dung và đánh giá thực trạng thi hành pháp luật về đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin; Năm là, đưa ra khuyến nghị về định hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật về hoạt động trung gian thương mại cũng như đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin v.v.

Tuy nhiên các bài báo, tạp chí, công trình nghiên cứu này chưa tập trung đi sâu vào nghiên cứu các chế định về hợp đồng đại lý thương mại về mặt lý luận cũng như phân tích những điểm bất cập, hạn chế còn tồn đọng và thực trạng thực thi pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại. Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học liên quan đến đề tài được công bố, học viên đi sâu tìm hiểu pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại ở nước ta hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

3.1. Mục đích nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu với mục đích làm sáng tỏ cơ sở lý luận từ khía cạnh pháp lý của đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin, những vướng mắc trong thực tiễn áp dụng quy định của pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin, từ đó tìm ra phương hướng và đề xuất các giải pháp nhằm điều chỉnh pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại ở nước ta hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Một là, luận văn phải phân tích và làm rõ khái niệm về đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin, hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.

Hai là, luận văn phải phân tích và làm rõ đặc điểm và cơ cấu pháp lý của hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.

Ba là, từ việc phân tích, tổng hợp những quy định pháp luật hiện hành, so sánh với pháp luật các nước trên thế giới, luận văn đưa ra những ưu điểm, hạn chế của các quy định pháp luật hiện hành về hợp đồng đại lý thương mại tại Việt Nam.

Bốn là, luận văn chỉ ra tình hình thực hiện pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin tại Việt Nam, đánh giá việc thực hiện pháp luật thông qua việc nghiên cứu các trường hợp điển hình.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Một số vấn đề lý luận pháp luật về hoạt động đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin và hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.

Các quy định của pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin, trong các văn bản pháp luật chung và trong lĩnh vực chuyên ngành Viễn thông – Công nghệ thông tin.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu đánh giá các văn bản pháp luật hiện hành về hợp đồng đại lý thương mại: Bộ luật dân sự 2005, Bộ luật dân sự 2015, Luật thương mại 2005, Luật Viễn thông 2009, Nghị định số 37/2006/NĐ-CP, Nghị định số 25/2011/NĐ-CP, Văn bản hợp nhất 11/VBHN-VPQH năm 2018 hợp nhất Luật Viễn thông 2009.

Luận văn nghiên cứu một số trường hợp điển hình trong phạm vi cả nước.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Khi thực hiện nghiên cứu này, tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu cơ bản sau đây:

5.1. Phương pháp luận

Luận văn lấy phương pháp duy vật Mac-Lenin và tư tưởng Hồ Chí Minh về nền kinh tế xã hội chủ nghĩa làm phương pháp chủ đạo trong quá trình nghiên cứu đề tài, các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng có ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế nước nhà, mà chủ yếu liên quan đến hoạt động đại lý thương mại trong

lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin và hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

i) Phương pháp phân tích, phương pháp lịch sử, phương pháp đối chiếu... được sử dụng tại Chương 1 khi nghiên cứu những vấn đề lý luận pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.

ii) Phương pháp đánh giá, phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phương pháp tổng hợp... được sử dụng tại Chương 2 khi nghiên cứu thực trạng pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.

iii) Phương pháp bình luận, phương pháp quy nạp, phương pháp diễn giải... được sử dụng tại Chương 3 khi nghiên cứu giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.

6. Những đóng góp mới của luận văn

Những đóng góp về mặt lý luận: luận văn phân tích các quy định của pháp luật, các quan điểm của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước về các cơ sở lý luận có liên quan đến hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế của các quy định của pháp luật hiện hành.

Những đóng góp về mặt thực tiễn: luận văn đã đưa những bất cập trong việc áp dụng quy định của pháp luật hiện hành, đồng thời nêu ra một số trường hợp điển hình về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin, từ đó làm cơ sở đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, dự kiến luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực thi pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.

Chương 3: Định hướng, giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại nói chung và hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ THƯƠNG MẠI TRONG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1.1. Khái quát về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

1.1.1. Khái niệm và đặc điểm đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

1.1.1.1. Khái niệm đại lý thương mại nói chung và đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin nói riêng

Theo Từ điển Tiếng Việt “đại lý là tổ chức thương nghiệp đại diện cho một công ty, đảm nhiệm việc giao dịch và xử lý các công việc”¹. Theo Từ điển Hán – Việt “đại lý” có nguồn gốc từ tiếng Hán. Trong tiếng Hán “đại” có nghĩa là thay thế, “lý” có nghĩa là quản lý, thu xếp, xử lý.

Theo Từ điển Bách khoa toàn thư Việt Nam, “đại lý” dưới góc độ kinh tế, luật là quan hệ pháp lý của một bên ủy thác cho bên kia thay mình thực hiện việc quản lý một số công việc thường dùng trong hoạt động mua bán, giao dịch hoặc xử lý các công việc theo sự ủy thác của đơn vị sản xuất, thương nghiệp. Đại lý thương mại với tính chất là một hoạt động trung gian thương mại được quy định tại Điều 166 Luật thương mại 2005 như sau: “*Đại lý thương mại là hoạt động thương mại, theo đó bên giao đại lý và bên đại lý thỏa thuận việc bên đại lý nhân danh chính mình mua, bán hàng hóa cho bên đại lý hoặc cung ứng dịch vụ của bên giao đại lý cho khách hàng để hưởng thù lao.*” Có nhiều loại hình đại lý trong nhiều lĩnh vực như đại lý mua bán hàng hóa, đại lý cung ứng các loại dịch vụ bảo hiểm, quảng cáo, du lịch, vận tải, bưu chính, viễn thông... Do vậy, tại các luật chuyên ngành có những định nghĩa khác nhau về khái niệm đại lý, ví dụ:

Theo luật kinh doanh bảo hiểm Việt Nam quy định: “đại lý bảo hiểm là tổ chức, cá nhân được doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền trên cơ sở lập hợp đồng đại lý bảo hiểm để thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

¹ Minh Tâm, Từ điển Tiếng Việt, Nxb Thanh Hóa, Thanh Hóa (1999), tr.349

Bộ luật hàng hải Việt Nam định nghĩa đại lý tàu biển là dịch vụ mà người đại lý tàu biển nhân danh chủ tàu hoặc người khai thác tàu tiến hành các dịch vụ liên quan đến tàu biển hoạt động tại cảng.

Luật viễn thông 2009 định nghĩa đại lý dịch vụ viễn thông là tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông thông qua hợp đồng đại lý ký với doanh nghiệp viễn thông để hưởng hoa hồng hoặc bán lại dịch vụ viễn thông để hưởng chênh lệch giá.

1.1.1.2. Các hình thức đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông - công nghệ thông tin

- + Đại lý bán lại dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin
- + Đại lý cung cấp dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin
- + Các hình thức đại lý khác mà các bên thỏa thuận, như:
 - Căn cứ vào cách chi trả thù lao đại lý có thể có hình thức đại lý hoa hồng.

1.1.1.3. Đặc điểm của đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

Trong hoạt động đại lý thương mại có sự tham gia của ba bên: bên giao đại lý, bên đại lý và bên thứ ba; Theo đó, bên đại lý có nhiệm vụ thực hiện giao dịch với bên thứ ba thay cho bên giao đại lý. Ở đây tồn tại song song hai nhóm quan hệ: (i) quan hệ giữa bên giao đại lý và bên đại lý, (ii) quan hệ giữa bên giao đại lý, bên đại lý với bên thứ ba. Các quan hệ này phát sinh trên cơ sở hợp đồng đại lý.

1.1.2. Phân biệt đại lý thương mại với các loại hình trung gian khác

- * *Nhượng quyền thương mại*
- * *Ủy thác mua bán hàng hoá*
- * *Đại diện cho doanh nghiệp viễn thông*
- * *Hoạt động bán buôn, bán lẻ hàng hóa*

1.1.3. Đặc điểm và nội dung điều chỉnh của hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

1.1.3.1. Khái niệm hợp đồng

Điều 385 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “Hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền và nghĩa vụ dân sự”.

Một cách khái quát có thể định nghĩa hợp đồng như sau: hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các cá nhân, tổ chức bằng lời nói, hành vi, văn bản hoặc các hình thức

khác tương đương văn bản như điện báo, telex, fax, thông điệp, dữ liệu... mà thông qua đó các bên xác lập, thay đổi, chấp dứt một quan hệ pháp lý về các quyền và nghĩa vụ nhằm thỏa mãn nhu cầu, lợi ích hợp pháp của mình.

1.1.3.2. Khái niệm, nội dung điều chỉnh hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

Mặc dù không được quy định trong luật nhưng căn cứ theo Điều 166 Luật thương mại 2005 có thể đưa ra khái niệm hợp đồng đại lý thương mại: Hợp đồng đại lý thương mại là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên đại lý nhân danh chính mình mua bán hàng hóa cho bên giao đại lý hoặc cung ứng dịch vụ của bên giao đại lý cho khách hàng để hưởng thù lao.

Khoản 24 Điều 3 Luật Viễn thông 2009 quy định như sau: “Đại lý dịch vụ viễn thông là tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ viễn thông cho người sử dụng dịch vụ viễn thông thông qua hợp đồng đại lý ký với doanh nghiệp viễn thông để hưởng hoa hồng hoặc bán lại dịch vụ viễn thông để hưởng chênh lệch giá”

Điều 11 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/04/2011 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật viễn thông quy định như sau: “Cung cấp dịch vụ viễn thông là việc sử dụng thiết bị, thiết lập hệ thống thiết bị viễn thông tại Việt Nam để thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình khởi phát, xử lý, chuyển tiếp, định tuyến, kết cuối thông tin cho người sử dụng dịch vụ viễn thông thông qua việc giao kết hợp đồng với người sử dụng dịch vụ viễn thông, đại lý dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp viễn thông nhằm mục đích sinh lợi”.

1.1.3.3. Đặc điểm hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

Dựa trên cơ sở chung là hợp đồng đại lý thương mại, hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin có những đặc điểm sau:

Thứ nhất: Bên đại lý phải dùng chính danh nghĩa của mình để thực hiện việc cung cấp dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin của bên giao đại lý cho khách hàng.

Thứ hai: trong quan hệ hợp đồng đại lý, bên đại lý không phải là chủ sở hữu đối với sản phẩm, dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin mà là nhận ủy nhiệm quyền mua, bán sản phẩm, dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin của bên giao đại lý.

Thứ ba, để thực hiện hoạt động đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin, bên đại lý vừa phải thực hiện các hành vi pháp lý (giao kết hợp đồng với khách hàng), vừa phải thực hiện các hành vi thực tế (nhận sản phẩm, dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin từ bên giao đại lý để giao cho người mua trong trường hợp đại lý bán, hoặc nhận tiền từ bên giao đại lý để thanh toán cho khách hàng; nhận hàng từ khách hàng để giao cho bên đại lý trong trường hợp đại lý mua hàng).

Thứ tư: Hợp đồng đại lý là một dạng của hợp đồng dịch vụ.

1.1.4. Vai trò và nguyên tắc giao kết hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

1.1.4.1. Vai trò của hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

Hoạt động đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin có vai trò, ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển, vận động của ngành viễn thông – công nghệ thông tin nói riêng và toàn bộ nền kinh tế nói chung. Hợp đồng là cơ sở để giải quyết tranh chấp hữu hiệu khi phát sinh mâu thuẫn.

Hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin còn là cơ sở để các bên thực hiện một cách chính xác nhất quyền và nghĩa vụ của mình với bên đối tác.

Hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin còn có vai trò tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông khai thác và sử dụng dịch vụ trung gian thương mại nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh, mở rộng thị trường và quảng bá thương hiệu một cách hiệu quả.

1.1.4.2. Nguyên tắc giao kết hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

Thứ nhất, nguyên tắc tự do, tự nguyện và bình đẳng.

Thứ hai, nguyên tắc thiện chí, trung thực.

Thứ ba, mặc dù các bên được tự do thỏa thuận hợp đồng nhưng hợp đồng không được trái với pháp luật, không được lợi dụng giao kết hợp đồng để hoạt động trái pháp luật.

Thứ tư, nguyên tắc không xâm phạm đến lợi ích hợp pháp khác cụ thể không được xâm phạm đến lợi ích của cá nhân, lợi ích của xã hội và lợi ích của Nhà

nước, nguyên tắc này nhằm bảo vệ các lợi ích công cộng khi các bên giao kết và thực hiện hợp đồng.

1.2. Nội dung pháp luật điều chỉnh về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

Pháp luật là hệ thống quy tắc xử sự do nhà nước ban hành hoặc thừa nhận và đảm bảo thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị trong xã hội, là nhân tố điều chỉnh các quan hệ xã hội.

Pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình giao kết, thực hiện hợp đồng đại lý thương mại; nói các khác đây chính là những yêu cầu của Nhà nước về các giao dịch đó.

Nội dung của pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin gồm các nội dung về chủ thể, hình thức và nội dung giao kết hợp đồng.

Về Chủ thể

Chủ thể của giao kết hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin phải là tổ chức, doanh nghiệp, bao gồm bên đại lý và bên giao đại lý. Trong đó bên giao đại lý là doanh nghiệp viễn thông giao sản phẩm, dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin cho bên đại lý bán lại hoặc cung cấp dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin. Bên đại lý là tổ chức, doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam nhận làm đại lý bán lại dịch vụ hoặc đại lý cung cấp dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin.

Về Hình thức

Hình thức của hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin phải được lập thành văn bản hoặc các hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương. Hợp đồng là cách thức mà các bên thể hiện ý chí của mình trong quá trình giao kết hợp đồng, là phương tiện để ghi nhận nội dung mà các chủ thể đã thỏa thuận. Hợp đồng đại lý là sự thỏa thuận giữa bên đại lý và bên giao đại lý về việc ký kết hợp đồng và cung cấp dịch vụ trực tiếp cho khách hàng trên cơ sở thuê hoặc mua sản phẩm, dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin thông qua hợp đồng đại lý hoặc thực hiện một hoặc nhiều công đoạn trong quá trình cung cấp sản phẩm, dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin tới khách hàng cuối và được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng đại lý tương ứng với

các công việc thực hiện. Nó là căn cứ để các bên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình cũng như là cơ sở để giải quyết tranh chấp phát sinh từ hợp đồng.

Về Nội dung

Nội dung của hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin là các điều khoản do các bên thỏa thuận, theo đó các bên chủ thể trong quan hệ hợp đồng hoàn toàn có thể thỏa thuận và thống nhất về một số điều khoản mà các bên cho là quan trọng trong việc ràng buộc nghĩa vụ và quyền lợi mỗi bên. Các điều khoản này không vi phạm điều cấm của pháp luật thì cần được tôn trọng, thể hiện quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ hợp đồng đại lý.

Pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin có các nội dung chính chủ yếu về đối tượng hàng hóa, quyền và nghĩa vụ của các bên, số lượng hàng hóa, chất lượng, giá cả hàng hóa, phương thức thanh toán, thời hạn, địa điểm và phương thức thực hiện hợp đồng, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng, phạt vi phạm hợp đồng.

Kết luận chương 1

Hoạt động trung gian thương mại nói chung và hoạt động đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin nói riêng là hoạt động dịch vụ thương mại dưới hình thức thuê và nhận làm dịch vụ mua bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ trong đó bên giao đại lý là bên có nhu cầu mua bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ nhưng không trực tiếp thực hiện công việc này mà ủy quyền cho một bên khác (bên đại lý) thay mình cung cấp sản phẩm, dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin. Xuất phát từ đặc thù của hoạt động trung gian thương mại như vậy, hợp đồng là một trong những nội dung quan trọng nhất nhằm bảo vệ quyền và lợi ích của các bên. Do đó việc nghiên cứu lý luận chung về đại lý thương mại cũng như đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin mang ý nghĩa đặc biệt. Đây là cơ sở khoa học cho việc nghiên cứu khung pháp lý chuyên sâu về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin theo pháp luật Việt Nam, từ đó có thể đề ra các giải pháp nhằm hoàn thiện chế định, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích của các bên tham gia vào quan hệ hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin cũng như quyền và lợi ích của bên thứ ba.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ

HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ THƯƠNG MẠI TRONG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG

– CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

2.1. Thực trạng pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

2.1.1 Chủ thể của giao kết hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.

Dựa trên cơ sở hợp đồng đại lý thương mại, chủ thể của giao kết hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin là doanh nghiệp viễn thông. Theo điều 167 Luật thương mại 2005, chủ thể của đại lý thương mại gồm bên giao đại lý và bên đại lý, theo đó bên giao đại lý là thương nhân hàng hóa cho đại lý bán hoặc giao tiên mua hàng cho đại lý mua hoặc là thương nhân ủy quyền thực hiện dịch vụ cho đại lý cung ứng dịch vụ; Bên đại lý là thương nhân nhận hàng hóa để làm đại lý bán, nhận tiền mua hàng để làm đại lý mua hoặc là bên nhận ủy quyền cung ứng dịch vụ.

Theo quy định tại điều 6 Luật thương mại 2005 thương nhân bao gồm tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp, cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh.

Đối với các loại hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin có đối tượng là sản phẩm hàng hóa trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin,... thì các bên phải đáp ứng đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan trong lĩnh vực đó.

2.1.2. Hình thức giao kết hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

Bộ luật dân sự 2015 quy định hình thức hợp đồng có thể là văn bản, lời nói, hành vi hoặc cách thức khác. Theo Luật thương mại 2005 hợp đồng đại lý phải được lập thành văn bản hoặc bằng hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương.

2.1.3. Nội dung giao kết hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

Theo Điều 398 của BLDS 2015 thì các bên trong hợp đồng có quyền thỏa thuận về nội dung trong hợp đồng. Hợp đồng có thể có các nội dung sau đây: Đối

tượng của hợp đồng; Số lượng, chất lượng; Giá, phương thức thanh toán; Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng; Quyền, nghĩa vụ của các bên; Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng; Phương thức giải quyết tranh chấp. Như vậy các bên có thể tự do thỏa thuận các điều khoản trong hợp đồng nhưng các điều khoản này phải trong một chừng mực nhất định và không vi phạm điều cấm của pháp luật, đồng thời tôn trọng và thể hiện được quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ đại lý thương mại.

2.1.3.1 Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng đại lý trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ Thông tin

Nghĩa vụ quan trọng nhất của bên đại lý là thực hiện việc mua, bán hàng hóa, sản phẩm, cung ứng dịch vụ cho bên thứ ba theo đúng các thỏa thuận về thời gian, địa điểm, số lượng hàng hóa với bên giao đại lý.

Song hành với những nghĩa vụ phải thực hiện, bên đại lý có những quyền cơ bản nhất là quyền hưởng thù lao và những lợi ích hợp pháp khác do hoạt động đại lý mang lại.

Nội dung của hợp đồng đại lý dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin bị ràng buộc bởi rất nhiều quy định mang tính quản lý và định hướng của Nhà nước nhằm điều tiết và đảm bảo chất lượng hoạt động kinh doanh các sản phẩm dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin. Một nội dung bắt buộc của Quy chế liên quan đến nội dung của hợp đồng đại lý trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin là việc quy định các bên cần ghi rõ trong hợp đồng về trách nhiệm liên đới về số lượng, chất lượng sản phẩm, dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin và cơ chế chăm sóc khách hàng sau khi cung cấp sản phẩm, dịch vụ đến người sử dụng.

Hợp đồng đại lý là hợp đồng song vụ và quan hệ đại lý được thiết lập trên cơ sở bình đẳng giữa các chủ thể tham gia, về cơ bản quyền của bên này là nghĩa vụ của bên kia và ngược lại.

2.1.3.2. Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

- + Buộc thực hiện đúng hợp đồng
- + Phạt vi phạm hợp đồng
- + Bồi thường thiệt hại
- + Tạm ngừng, tạm đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng

2.1.3.3. Phương thức giải quyết tranh chấp

Pháp luật hiện hành công nhận các phương thức giải quyết tranh chấp như sau: thương lượng, hòa giải, trọng tài thương mại và tòa án. Theo đó, khi có tranh chấp xảy ra, các bên có thể giải quyết thông qua việc trực tiếp thương lượng với nhau.

2.1.3.4. Các biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng đại lý thương mại

Bộ luật Dân sự 2015 quy định 09 biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự là cầm cố tài sản, thế chấp tài sản, đặt cọc, ký cược, ký quỹ, bảo lưu quyền sở hữu, bảo lãnh, tín chấp và cầm giữ tài sản.

2.1.3.5. Sửa đổi, chấm dứt hợp đồng đại lý thương mại

Các bên có thể thỏa thuận với nhau về việc sửa đổi hợp đồng và hợp đồng sửa đổi đó phải được tuân theo hình thức của hợp đồng ban đầu. Chấm dứt hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin trong các trường hợp sau đây:

1. Hợp đồng đã được hoàn thành
2. Theo thỏa thuận của các bên
3. Cá nhân giao kết hợp đồng chết, pháp nhân giao kết hợp đồng chấm dứt tồn tại mà hợp đồng phải do chính cá nhân, pháp nhân đó thực hiện.
4. Hợp đồng bị hủy bỏ, bị đơn phương chấm dứt thực hiện

Trong trường hợp chấm dứt hợp đồng do một bên vi phạm hợp đồng: các bên có thể thỏa thuận các trường hợp cụ thể mà theo đó một trong các bên có thể đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng. Đối với bên đại lý, việc thỏa thuận các trường hợp mà bên giao đại lý có thể đình chỉ thực hiện hợp đồng cần theo hướng hạn chế tối đa các trường hợp này. Thỏa thuận về đình chỉ thực hiện hợp đồng khi một bên có vi phạm là nguyên nhân để bên kia đình chỉ là hết sức nguy hiểm đối với bên đại lý vì với một khoản thời gian dài thực hiện hợp đồng, việc vi phạm hợp đồng là hoàn toàn có thể xảy ra. Ngoài ra các bên thường thỏa thuận việc chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên đại lý không đáp ứng đủ doanh số bán hàng, bên đại lý mất khả năng thanh toán nợ hoặc phá sản...

5. Hợp đồng không thể thực hiện được do đối tượng của hợp đồng không còn.

2.2. Thực tiễn áp dụng quy định pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực viễn thông- công nghệ thông tin ở Việt Nam.

Trong những năm gần đây, hoạt động đại lý thương mại ngày càng phát triển và số lượng đại lý hoạt động tại Việt Nam tăng nhanh. Đại lý thương mại có mặt

trên toàn quốc từ nông thôn đến thành thị, từ trung du đến miền núi hoặc những khu vực xa xôi hẻo lánh. Đại lý thương mại đa dạng về loại hình và phát triển nhanh chóng trong hầu hết mọi lĩnh vực và ngành nghề, cả về doanh số bán hàng và phạm vi cung cấp dịch vụ. Đối với mỗi loại hàng hóa và lĩnh vực, bên giao đại lý sẽ chọn một loại hình đại lý phù hợp đơn cấp hoặc đa cấp, như cấp 1, cấp 2, cấp 3, cấp 4. Ở Việt Nam, không chỉ cá nhân, hộ gia đình và người buôn bán nhỏ ở chợ mà nhiều hợp tác xã, siêu thị, trung tâm thương mại, doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng tham gia với tư cách là đại lý cho một hoặc nhiều bên giao đại lý. Tính đến cuối năm 2020, đã có gần 2 triệu hộ gia đình, 8.600 chợ các loại, 530 siêu thị, 90 trung tâm thương mại, 1.100 hợp tác xã thương mại, 155.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đến năm 2020, theo số liệu ước tính không chính thức của Bộ Công thương, trong Viễn thông – Công nghệ thông tin, Việt Nam có 05 doanh nghiệp viễn thông với khoảng 3650 đại lý trực thuộc, trong đó các tổng đại lý lại có rất nhiều đại lý trực thuộc khác.

Kết luận chương 2

Đại lý thương mại hình thành từ lâu đời và có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Tuy nhiên pháp luật về đại lý thương mại lại ra đời chậm chạp hơn so với tiến trình phát triển của nền kinh tế cũng như so với pháp luật của các nước trên thế giới. Pháp luật về đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin và hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin được quy định trong Bộ luật Dân sự 2015, Luật thương mại 2006, Luật viễn thông 2009 các nghị định, thông tư hướng dẫn... Mặc dù pháp luật hiện tại đã có nhiều điểm tiến bộ so với trước đây, nhưng vẫn còn nhiều điểm chưa hợp lý. Cụ thể, những vấn đề về chấm dứt hợp đồng, việc đảm bảo quyền lợi của các bên khi đối phương đơn phương chấm dứt hợp đồng, hay vấn đề bồi thường khi chấm dứt hợp đồng...

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ PHÁP LUẬT VỀ HỢP ĐỒNG ĐẠI LÝ THƯƠNG MẠI TRONG LĨNH VỰC VIỄN THÔNG – CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin

3.1.1. *Pháp luật điều chỉnh về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin phải phù hợp với đặc điểm của nền kinh tế đang chuyển đổi ở Việt Nam*

Nền kinh tế Việt Nam hiện nay đang được chuyển đổi từ nền kinh tế vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường Việt Nam. Trong cơ chế kế hoạch hóa, nhà nước quản lý nền kinh tế thông qua hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch chi tiết với chế độ cấp phát và giao nộp theo quan hệ hiện vật. Do đó hoạt động đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin cũng như hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin không có điều kiện để phát triển tự do. Hoạt động này chịu sự quản lý của Nhà nước, còn có nhiều rào cản và chưa đảm bảo được quyền tự do trong hoạt động thương mại của cá nhân, tổ chức. Chuyển sang nền kinh tế thị trường, pháp luật điều chỉnh hoạt động đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin cần có sự thay đổi lớn về phạm vi điều chỉnh, nội dung, cơ chế điều chỉnh đồng thời đảm bảo các quyền tự do thực hiện hoạt động này của thương nhân. Do đó, đòi hỏi pháp luật phải được xây dựng trên quan điểm là thay đổi tư duy, tránh những tư duy mang nặng tính mệnh lệnh hành chính, đảm bảo quyền tự do kinh doanh, quyền bình đẳng giữa các bên. Để làm được những điều đó, pháp luật cần loại bỏ các rào cản về chính sách pháp luật như các quy định gây cản trở đến việc hình thành các quy định quan hệ hợp đồng đại lý thương mại, các quy định thiếu phù hợp, không đảm bảo quyền lợi của các bên cần được loại bỏ, cần bổ sung các quy định về nghĩa vụ của bên giao đại lý với bên thứ ba trong hoạt động đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin.

3.1.2. Pháp luật điều chỉnh hoạt động đại lý thương mại phải đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế

Việc chuyển sang nền kinh tế thị trường đòi hỏi thị trường nước ta phải có xu hướng khu vực hóa và toàn cầu hóa. Do đó, để phát triển kinh tế quốc dân, việc nước ta hợp tác kinh tế quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế là một tất yếu khách quan. Hiện nay Việt Nam đã gia nhập nhiều tổ chức hợp tác quốc tế như: Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)... Việc hội nhập vào nền kinh tế thế giới đã góp phần khá quan trọng trong những thành tựu đã đạt được của Việt Nam sau quá trình đổi mới, tạo ra bước phát triển quan trọng về kinh tế đối ngoại, đẩy mạnh phát triển Công nghệ thông tin tạo những bước tiến lớn trong công cuộc chuyển đổi số Quốc gia.

3.1.3. Đảm bảo tính minh bạch, khả thi và thống nhất của pháp luật điều chỉnh hợp đồng đại lý thương mại

Nhằm góp phần tạo nên hiệu quả điều chỉnh của pháp luật, việc đảm bảo tính minh bạch, thống nhất và khả thi là những yêu cầu quan trọng đối với hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại nói riêng.

Tính minh bạch của pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin thể hiện ở chỗ việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động này phải theo một trình tự rõ ràng, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến của mình vào việc xây dựng pháp luật, và các văn bản pháp luật phải được công bố công khai, rộng rãi trước khi nó có hiệu lực thi hành.

Tính thống nhất của pháp luật về các quy định về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin đòi hỏi: các quy phạm, các chế định điều chỉnh hợp đồng này tồn tại trong nhiều văn bản do nhiều cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành phải có nội dung tương thích, không mâu thuẫn, không chồng chéo lẫn nhau.

Tính khả thi của pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin đòi hỏi pháp luật phải rõ ràng, có khả năng áp dụng dễ dàng trong thực tế, đặc biệt trong nền kinh tế Việt Nam.

3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại

Một số kiến nghị đưa ra nhằm hoàn thiện pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin như sau:

3.2.1. Về hình thức

Hợp đồng là cách thức thể hiện ý chí của các bên và được tự do lựa chọn hình thức phù hợp. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp pháp luật lại khuyến nghị hoặc bắt buộc hình thức hợp đồng phải bằng văn bản, thậm chí văn bản có chứng thực. Tuy nhiên hiện tại, pháp luật chuyên ngành quy định các bên chỉ được phép thỏa thuận hợp đồng đại lý bằng văn bản, không thừa nhận các hình thức khác có giá trị pháp lý tương đương với văn bản như điện báo, telex, fax...

3.2.2. Về nội dung

3.2.2.1. Về chấm dứt hợp đồng

- + Cần quy định cụ thể hơn các trường hợp chấm dứt thời hạn đại lý
- + Cần quy định về nghĩa vụ thông báo trước khi một bên chấm dứt hợp đồng đại lý, thời hạn thông báo trước sẽ tùy thuộc vào thời hạn hợp đồng đại lý.

- + Nếu các bên chấm dứt hợp đồng đại lý mà không thực hiện nghĩa vụ thông báo thì sẽ không có hiệu lực pháp luật. Luật thương mại 2005 cũng cần bổ sung quy định bảo vệ quyền lợi cho bên giao đại lý khi bên đại lý đơn phương chấm dứt hợp đồng.

- + Cần quy định cụ thể quyền lợi của bên đại lý khi chấm dứt thời hạn đại lý đúng pháp luật.

3.2.2.2. Về Bồi thường thiệt hại

Các quy định về bồi thường cần đảm bảo nguyên tắc bồi thường đầy đủ các chi phí đầu tư ban đầu cũng như chi phí cơ hội của các bên. Ngoài ra, theo quy định tại Khoản 3 Điều 177 Luật thương mại 2005, trong mọi trường hợp bên đại lý yêu cầu chấm dứt hợp đồng thì đều không có quyền yêu cầu bên giao đại lý bồi thường; quy định này sẽ không bảo vệ quyền lợi của bên đại lý trong trường hợp bên giao đại lý không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ buộc bên đại lý phải chấm dứt hợp đồng. Việc bên đại lý đơn phương chấm dứt hợp đồng không phải do lỗi của họ mà do bên giao đại lý vi phạm nghĩa vụ thì thiệt hại của bên đại lý ngày càng nặng nề hơn. Như vậy, khoản 3 Điều 177 luật thương mại 2005 cần cần được sửa đổi để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bên đại lý theo hướng như sau: Trong trường hợp bên giao đại lý không thực hiện nghĩa vụ của mình

hoặc thực hiện không đúng theo thỏa thuận thì bên đại lý có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và được yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Ngoài quy định về bồi thường theo hợp đồng, một thiếu sót của Luật thương mại 2005 và một số luật chuyên ngành là chưa quy định bên đại lý có quyền yêu cầu bồi thường các thiệt hại khác ngoài các thiệt hại quy định ở trên.

3.2.2.3. Về bảo mật thông tin

Trong nhiều trường hợp bên giao đại lý và bên đại lý có nhu cầu bảo mật các thông tin trong hoạt động kinh doanh của mình đối với một bên thứ ba, tuy nhiên họ lại không có quy định cụ thể về nghĩa vụ bảo mật thông tin trong hợp đồng. Vì vậy, pháp luật cần dự liệu và quy định theo hướng các bên phải có nghĩa vụ bảo mật thông tin một cách hợp lý. Việc tiết lộ thông tin của một bên sẽ không ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bên còn lại.

3.2.2.4. Về trách nhiệm pháp lý đối với bên thứ ba

Cần phải nhìn nhận lại và quy định phù hợp về đại lý thương mại thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin theo hướng khẳng định có quan hệ ủy quyền giữa bên giao đại lý và bên đại lý, cả trong lĩnh vực cung cấp các sản phẩm, dịch vụ Viễn thông – Công nghệ thông tin, hạn chế những tranh chấp góp phần thúc đẩy việc giao kết và thực hiện hợp đồng đại lý giữa các doanh nghiệp viễn thông trong nước cũng như nước ngoài.

3.3. Giải pháp để thực thi hiệu quả pháp luật về hợp đồng đại lý thương mại

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật

Trong quá trình soạn thảo các văn bản pháp luật về hợp đồng kinh doanh nhất thiết phải có sự tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân... hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh.

Pháp luật phải công khai, dễ truy cập đối với người dân. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện pháp luật phải được tiến hành công khai, tạo điều kiện cho mọi lực lượng trong xã hội bảo vệ và công bằng lợi ích của mình.

Pháp luật tin cậy và có tính dự đoán cao.

Cần tăng cường hơn nữa công tác phổ biến pháp luật đến nhân dân, nâng cao khả năng nắm bắt và vận dụng pháp luật cũng như ý thức tuân thủ của các thương nhân.

Kết luận chương 3

Hệ thống pháp luật Việt Nam nói chung cũng như pháp luật về đại lý thương mại nói riêng đang ngày càng được hoàn thiện, tuy nhiên, để đảm bảo hơn nữa quyền tự do giao kết hợp đồng, thực hiện hợp đồng đại lý của thương nhân trong quá trình hoạt động thì việc tiếp tục hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung những quy định hiện hành và ban hành một văn bản hướng dẫn riêng về hoạt động đại lý thương mại là điều cần thiết và khách quan. Trên cơ sở những vướng mắc đã đưa ra ở chương 2, chúng tôi đã đề ra một vài cách nhìn nhận về chủ thể, về hình thức của hợp đồng đại lý, về trách nhiệm của các bên đối với bên thứ ba, về vấn đề bồi thường, bảo mật thông tin... Ngoài những kiến nghị về mặt lập pháp, chúng tôi cũng đề xuất một số vấn đề nhằm nâng cao hiệu quả quá trình thực thi pháp luật như tăng cường phổ biến sâu rộng trong nhân dân, nâng cao ý thức pháp luật của các thương nhân, để người dân tham gia đóng góp ý kiến về những vấn đề ảnh hưởng đến đời sống của mình một cách hiệu quả hơn nữa....

PHẦN KẾT LUẬN

Đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin đang trở thành hoạt động thương mại được ưa chuộng nhất trong thị trường viễn thông, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các cơ quan chức năng trong công tác quản lý đăng ký kinh doanh, thu thuế, đảm bảo an ninh thông tin... Pháp luật đã thừa nhận về mặt pháp lý sự tồn tại của các hoạt động này đồng thời cũng bảo vệ quyền lợi của các chủ thể tham gia bằng các quy định của pháp luật về hoạt động đại lý. Luật thương mại 2005 kế thừa tinh hoa của những chế định cũ trên cơ sở bổ sung, sửa đổi những quy định, tạo nên hành lang pháp lý linh hoạt và khoa học hơn, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của hoạt động này cũng như bảo vệ quyền lợi của thương nhân và bên thứ ba tham gia quan hệ đại lý thương mại.

Pháp luật Việt Nam về hợp đồng đại lý thương mại là một vấn đề pháp lý có tính thực tiễn nên được nghiên cứu không chỉ phục vụ học thuật mà còn đem đến nhận thức đúng đắn về hợp đồng đại lý, là cơ sở để phát triển các nguyên tắc pháp lý và quy định thành văn về chế định đại lý thương mại. Hiện nay, hoạt động đại lý thương mại được quy định trong nhiều văn bản, từ luật chung như Bộ luật Dân sự 2015, Luật thương mại 2005 đến những luật chuyên ngành như Luật Viễn thông, Luật hàng hải, Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Hải quan, Luật Du lịch... và nằm rải rác trong các nghị định, quyết định, thông tư. Do đó không đảm bảo được tính thống nhất giữa luật chung và luật chuyên ngành. Như vậy để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các bên tham gia quan hệ đại lý thương mại, bên cạnh hoàn thiện quy định của pháp luật thương mại về đại lý thương mại, cần thiết phải có một văn bản hướng dẫn thống nhất về hoạt động đại lý thương mại.

Luận văn đã tập trung nghiên cứu và làm rõ các đặc điểm của đại lý thương mại thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin, hợp đồng đại lý thương mại, đồng thời đánh giá thực trạng, chỉ ra những bất cập, hạn chế trong quy định hiện hành như:

- Các quy định hiện hành còn chưa thống nhất, các quy định về quyền hưởng thù lao của đại lý, quy định về chấm dứt hợp đồng còn bộc lộ nhiều bất cập, chưa đảm bảo quyền tự do giao kết, thực hiện hợp đồng cũng như lợi ích của các bên tham gia, việc bồi thường cho bên đại lý khi bên đại lý thu được lợi ích lớn hơn.

- Quá trình thực thi pháp luật cần quy định rõ hơn và bổ sung một số điều khoản trong khung pháp luật điều chỉnh hợp đồng đại lý thương mại, do đó việc cần thiết phải có một văn bản pháp luật cụ thể về hợp đồng đại lý thương mại trong lĩnh vực Viễn thông – Công nghệ thông tin. Đồng thời, xác định hành lang pháp lý cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực viễn thông công nghệ thông tin, mở ra một hướng mới trong đời sống kinh tế, xã hội ở nước ta, góp phần “đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước” như tinh thần Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.